



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5-6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9-37

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 70.228.000.000 đồng tương đương với 48,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần 14.500.000 là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2018 và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, gồm:

Hội đồng quản trị

+ Ông Nguyễn Tiến Vượng	Chủ tịch
+ Ông Ngô Đức Long	Thành viên
+ Ông Chu Việt Cường	Thành viên
+ Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
+ Bà Lương Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc

+ Ông Ngô Đức Long	Giám đốc
+ Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
+ Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
+ Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội cho năm tài chính 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2018 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2018. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *Ngô Đức Long*



Ngô Đức Long

Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Số: 191/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội, được lập ngày 11 tháng 02 năm 2019, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Báo cáo tài chính của Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bắc Qua đang phản ánh số lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.002.564.935 đồng. Báo cáo tài chính riêng của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính của khoản đầu tư dài hạn vào công ty này;
- Tại thời điểm 31/12/2018, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 1.851.257.293VNĐ đã quá hạn thanh toán trên 03 năm. Báo cáo tài chính riêng của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng phải thu cho các khoản này;

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

- Như đã trình bày tại Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính riêng năm 2017, tại thời điểm 31/12/2018, một số khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán (trình bày chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, phần V, mục 4). Báo cáo tài chính riêng của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc lập dự phòng giảm giá cho các khoản phải thu này. Trong năm, Công ty đã trích lãi dự thu đối với các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trên với số tiền là 1.358.923.613 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1
Giấy UQ số 05/2015/UQ-CPAVIETNAM
ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Đỗ Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1417-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.158.964.844	59.684.647.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3.206.964.192	5.201.288.235
1. Tiền	111		3.206.964.192	5.201.288.235
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.778.289.712	39.661.644.337
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	5.280.495.528	12.346.607.833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.830.411.162	5.628.352.805
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	13.100.000.000	13.100.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	10.742.383.022	8.761.683.699
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(175.000.000)	(175.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	13.059.656.868	14.610.904.078
1. Hàng tồn kho	141		13.059.656.868	14.610.904.078
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		114.054.072	210.810.753
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.054.072	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	-	210.810.753
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			129.868.725.062	129.379.526.187
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		68.943.588	68.943.588
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	68.943.588	68.943.588
II. Tài sản cố định	220		59.027.707.856	64.583.121.724
I. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	59.001.075.856	64.547.089.724
- Nguyên giá	222		112.691.688.314	114.007.337.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.690.612.458)	(49.460.247.576)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	26.632.000	36.032.000
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(200.368.000)	(190.968.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	16.779.466.393	9.912.344.414
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262		16.779.466.393	9.912.344.414
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	50.679.482.255	50.679.482.255
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.466.433.001	31.466.433.001
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.040.000.000	19.113.049.254
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258		1.173.049.254	100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.313.124.970	4.135.634.206
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.313.124.970	4.135.634.206
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180.027.689.906	189.064.173.590

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.515.295.663	40.965.796.180
I. Nợ ngắn hạn	310		20.749.489.098	31.915.877.589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.865.251.948	6.799.228.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.583.554	34.873.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	975.260.979	896.028.701
4. Phải trả người lao động	314		1.031.691.644	1.056.912.357
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	93.888.781	27.522.204
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	626.136.365	508.772.728
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.179.835.544	1.136.764.413
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	8.618.992.694	21.067.712.634
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.847.589	388.062.035
II. Nợ dài hạn	330		9.765.806.565	9.049.918.591
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	2.263.809.447	3.172.212.723
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.421.050.000	1.651.200.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	6.080.947.118	4.226.505.868
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.512.394.243	148.098.377.410
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	149.512.394.243	148.098.377.410
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		540.000.000	540.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.687.102.387	2.273.085.554
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		-	(10.145.176.478)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.687.102.387	12.418.262.032
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		180.027.689.906	189.064.173.590



Ngô Đức Long
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Kim Huyền

Nguyễn Kim Huyền
 Kế toán trưởng

Phùng Thị...

Phùng Thị...



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2018

MẪU SỐ B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	189.939.463.423	178.677.407.370
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	160.706.467	110.474.377
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		189.778.756.956	178.566.932.993
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	152.479.465.892	130.478.267.876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.299.291.064	48.088.665.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	2.514.778.549	2.793.910.564
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	VI.05	1.356.729.745 1.251.125.443	1.669.314.176 1.556.773.353
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	16.720.246.618	16.931.012.823
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	18.528.783.795	19.708.304.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.208.309.455	12.573.943.914
11. Thu nhập khác	31	VI.08	1.451.534.189	2.598.937.150
12. Chi phí khác	32	VI.09	276.229.514	2.038.738.495
13. Lợi nhuận khác	40		1.175.304.675	560.198.655
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.383.614.130	13.134.142.569
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		696.511.743	715.880.537
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.687.102.387	12.418.262.032



Ngô Đức Long
Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Kim Huyền
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày

22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	166.184.317.040	139.799.436.175
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(146.218.357.845)	(144.117.774.599)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.576.142.567)	(11.518.698.258)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(1.251.125.443)	(1.486.798.596)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(215.365.574)	
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.912.239.460	23.173.578.938
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.808.044.514)	(9.008.828.214)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.027.520.557	(3.159.084.554)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(3.712.969.321)	(2.000.824.850)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn			
2 khác	22	325.000.000	24.000.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)	(5.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.000.000.000	5.000.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.128.629.225	51.233.941
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.259.340.096)	(1.925.590.909)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	109.928.291.108	125.604.849.833
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(120.522.569.798)	(119.312.734.631)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.168.375.100)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.762.653.790)	6.292.115.202
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(1.994.473.329)	1.207.439.739
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.201.288.235	3.993.858.240
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	149.286	(9.744)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.206.964.192	5.201.288.235



Ngô Đức Long
Giám đốc

Nguyễn Kim Huyền
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thúy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 70.228.500.000 đồng tương đương với 48,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần 14.500.000 là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội..

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và các hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

- Dịch vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.

1.3 Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết như được liệt kê ở Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, phần V, mục 2 và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, phần VII, mục 1.

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
III. Công ty con			
1. Công ty CP TMDV Bắc Qua	- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) - Đầu tư, xây dựng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại; - Quản lý, vận hành khu trung tâm thương mại, văn phòng, kho hàng, gara ô tô;....	53%	53%
2. Công ty CP TM Lãng Yên	- Kinh doanh dịch vụ siêu thị, nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh công nghệ hàng điện tử; Buôn bán máy móc, đồ dùng cho gia đình...	51%	51%
IV. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau, buôn bán thực phẩm, cung cấp dịch vụ thuê kho bãi và trông giữ hàng hóa...	37,04%	37,04%
2. Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	Sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất thiết bị, dụng cụ cơ khí...	2,80%	2,80%
	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dầu mỡ, động thực vật; sản xuất tinh bột và các sản phẩm về tinh bột...	27,59%	27,59%
3. Công ty CP Ẩm thực Hà Nội			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

- Trung tâm thương mại Vân Hồ
- Trung tâm kinh doanh bán buôn
- Cửa hàng thực phẩm Hàng Da
- Chuỗi cửa hàng tiện ích Hapro

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Các kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi Đại hội cổ đông của Công ty thông qua tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận thực tế đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với hoạt động sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính riêng mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định trong đối chiếu chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty là bán hàng hóa, cho thuê Bất động sản (BDS) chiếm một tỷ lệ nhỏ. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính nói chung.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt VND	2.125.922.310	2.994.709.435
Tiền gửi ngân hàng	1.081.041.882	2.206.578.800
- Tiền gửi VND	1.081.041.882	2.201.096.835
- Tiền gửi USD		5.481.965
Tổng cộng	3.206.964.192	5.201.288.235

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP TMDV Bắc Qua	10.600.000.000	(*)	10.600.000.000	(*)
Công ty CP TM Lãng Yên	20.866.433.001	(*)	20.866.433.001	(*)
Tổng cộng	31.466.433.001		31.466.433.001	



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

3. Phải thu của khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH du lịch và thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752		842.670.752	
Nguyễn Thị Vinh	98.973.300		98.973.300	
Công ty CP Tiến Đồng	189.348.940		189.348.940	
Công ty CP XNK Kids Plaza	721.816.026		638.061.303	
Công ty CP Bibomark	348.075.305		636.344.791	
Công ty CP TM và DV DLH Lan Hạ	-		6.135.000.000	
Công ty Cổ Phần Tmartstores	102.278.179		161.797.870	
Chi nhánh TP HCM - Công ty CP XNK Kids Plaza	203.334.837		-	
Chi nhánh TP HCM - Công ty CP Bibomark	209.941.203		-	
Công ty CP nhà hàng Quốc tế	287.301.547		287.301.547	
Viện Quy hoạch xây dựng Hà nội	126.888.849		117.603.388	
Khách hàng khác	2.149.866.590		3.239.505.942	
Tổng cộng	5.280.495.528		12.346.607.833	

Đ. N.
C. T.
VIỆT
A N.
H. A.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cho vay đối với Bên liên quan	12.100.000.000	-	12.100.000.000	-
Công ty CP TMDV Bắc Qua {1}	8.600.000.000	-	8.600.000.000	-
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm {2}	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Cho vay đối với khách hàng thông thường	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội {3}	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Tổng cộng	13.100.000.000	-	13.100.000.000	-

{1}: Gồm 06 hợp đồng:

- Hợp đồng 127C/HĐTD/BQ-TP ngày 30/08/2013: Số tiền gốc là: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất cố định: 12%/năm; Phương thức trả lãi: trả một lần cùng gốc vay; Phụ lục Hợp đồng số 04-127C/PLHĐTD/BQ-TP ngày 07/12/2012 gia hạn thời hạn trả nợ là 31/12/2015.
- Hợp đồng số 164/HĐTD/BQ-TP ngày 07/12/2013: Số tiền gốc: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất cố định: 12%/năm; Phương thức trả lãi: trả một lần cùng gốc vay; Phụ lục Hợp đồng số 04-164/PLHĐTD ngày 29/06/2015 gia hạn thời hạn trả nợ là 31/12/2015.
- Hợp đồng số 32/HĐTD/BQ-TP ngày 26/05.2014: Số tiền gốc là: 700.000.000 đồng; Thời hạn vay: 3 tháng; Lãi suất cố định 12%/năm; Phương thức trả lãi: hàng tháng; Phụ lục Hợp đồng số 04-32/PLHĐTD ngày 29/06/2015 gia hạn thời hạn trả nợ là 31/12/2015.
- Hợp đồng số 58/HĐTD/BQ-TP ngày 23/09/2014: Số tiền gốc là: 300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 3 tháng; Lãi suất cố định: 10%/năm; Phương thức trả lãi: trả một lần cùng với gốc vay; Phụ lục Hợp đồng số 02-58/PLHĐTD ngày 29/06/2015 gia hạn thời hạn trả nợ là 31/12/2015.
- Hợp đồng số 63/HĐTD/BQ-TP ngày 27/12/2014: Số tiền gốc là: 900.000.000 đồng; Thời hạn vay: 3 tháng; Lãi suất cố định: 10%/năm; Phương thức trả lãi: trả một lần cùng với gốc vay; Phụ lục số 02-63/PLHĐTD ngày 29/06/2015 gia hạn thời hạn trả nợ là 31/12/2015.
- Hợp đồng số 08/HĐTD/BQ-TP ngày 11/02/2015: Số tiền gốc là: 6.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 01 năm; Lãi suất cố định: 9%/năm; Phương thức trả lãi: trả một lần cùng gốc vay.

{2}: Gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng số 17/HĐTD ngày 07/12/2012: Số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 3 tháng; Lãi suất cố định: 15%/năm; Phương thức trả lãi: hàng tháng; Phụ lục Hợp đồng số 07-17/PLHĐTD ngày 07/12/2012 gia hạn thời hạn trả nợ là 30/06/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	68.943.588	-	68.943.588	-
Tổng cộng	68.943.588	-	68.943.588	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.839.000	-	9.373.000	-
Hàng hóa	13.038.817.868	-	14.601.531.078	-
Tổng cộng	13.059.656.868	-	14.610.904.078	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCD khác	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu năm</i>	100.487.683.086	6.582.898.326	4.418.177.298	2.518.578.590	-	114.007.337.300
<i>Tăng trong kỳ</i>	95.371.455	-	-	-	-	95.371.455
- Tăng khác	95.371.455	-	-	-	-	95.371.455
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	225.754.532	954.545.455	230.720.454	-	1.411.020.441
- Thanh lý, nhượng bán	-	82.502.532	954.545.455	72.753.800	-	1.109.801.787
- Giảm khác	-	143.252.000	-	157.966.654	-	301.218.654
<i>Dư cuối kỳ</i>	100.583.054.541	6.357.143.794	3.463.631.843	2.287.858.136	-	112.691.688.314
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Dư đầu kỳ</i>	38.794.256.005	4.892.323.535	3.652.791.227	2.120.876.809	-	49.460.247.576
<i>Tăng trong kỳ</i>	4.713.710.867	381.962.392	247.390.951	97.057.968	-	5.440.122.178
- Khấu hao trong kỳ	4.713.710.867	381.962.392	247.390.951	97.057.968	-	5.440.122.178
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	207.549.595	785.999.361	216.208.340	-	1.209.757.296
- Thanh lý, nhượng bán	-	82.502.532	785.999.361	72.753.800	-	941.255.693
- Giảm khác	-	125.047.063	-	143.454.540	-	268.501.603
<i>Dư cuối kỳ</i>	43.507.966.872	5.066.736.332	3.114.182.817	2.001.726.437	-	53.690.612.458
Giá trị còn lại						
<i>Đầu kỳ</i>	61.693.427.081	1.690.574.791	765.386.071	397.701.781	-	64.547.089.724
<i>Cuối kỳ</i>	57.075.087.669	1.290.407.462	349.449.026	286.131.699	-	59.001.075.856

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 với giá trị là: 8.242.629.726 đồng
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình và bất động sản đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 46.395.552 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá	-	-	-	227.000.000	-	227.000.000
Dư đầu năm	-	-	-	227.000.000	-	227.000.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Dư cuối năm	-	-	-	227.000.000	-	227.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-
Dư đầu năm	-	-	-	190.968.000	-	190.968.000
Tăng trong năm	-	-	-	9.400.000	-	9.400.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	9.400.000	-	9.400.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Dư cuối năm	-	-	-	200.368.000	-	200.368.000
Giá trị còn lại	-	-	-	36.032.000	-	36.032.000
Đầu năm	-	-	-	36.032.000	-	36.032.000
Cuối năm	-	-	-	26.632.000	-	26.632.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÀU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Dự án 459 Bạch Mai	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án 26 Cao Thắng	13.436.176.213	6.488.194.893
Dự án 253 Phố Vọng	2.068.594.048	2.068.594.048
Công trình Trụ sở 24-26 Trần Nhật Duật	-	80.859.341
Các công trình khác	35.426.151	35.426.151
Tổng cộng	16.779.466.393	9.912.344.414

10. Chi phí trả trước dài hạn

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí lợi thế kinh doanh	654.668.752	758.037.512
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.658.456.218	3.377.596.694
Tổng cộng	3.313.124.970	4.135.634.206

11. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Công ty TNHH Lock & Lock HN	787.846.954	787.846.954	750.166.480	750.166.480
Công ty CP Davicorp (DAVIFOOD) Việt Nam	138.440.800	138.440.800	119.412.500	119.412.500
Các khách hàng khác	6.938.964.194	6.938.964.194	5.929.649.973	5.929.649.973
Tổng cộng	7.865.251.948	7.865.251.948	6.799.228.953	6.799.228.953

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

12. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

	Đầu kỳ	Phải thu	Đã thu/Khấu trừ	Cuối kỳ
a) Phải thu				
Thuế TNDN	210.810.753		210.810.753	-
Tổng cộng	210.810.753	-	210.810.753	-
b) Phải nộp		Phải nộp	Đã nộp/bù trừ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	126.268.326	4.762.983.348	4.889.251.674	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	696.511.743	426.176.327	270.335.416
Thuế thu nhập cá nhân	8.866.527	106.624.476	106.127.293	9.363.710
Thuế, tiền thuế đất	350.626.747	7.573.548.667	7.591.077.151	333.098.263
Các loại thuế khác	-	34.000.000	34.000.000	-
Phí , lệ phí, phải nộp khác	410.267.101	6.328.424	54.131.935	362.463.590
Tổng cộng	896.028.701	13.179.996.658	13.100.764.380	975.260.979

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí tiền điện, tiền nước phải trả	93.888.781	34.693.114
Tiền thuê nhà		(7.170.910)
Tổng cộng	93.888.781	27.522.204

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

14. Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
Tiền thuế tài sản trên đất	626.136.365	508.772.728
Cộng	626.136.365	508.772.728
b) Dài hạn	31/12/2018	01/01/2018
Tiền thuế tài sản trên đất	2.263.809.447	3.172.212.723
Cộng	2.263.809.447	3.172.212.723
Tổng Cộng	2.889.945.812	3.680.985.451

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

a) Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
Các bên liên quan		
Lợi nhuận chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2014 và thù lao đại diện vốn phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	386.278.925	386.278.925
Đối tượng khác		
Thù lao đại diện vốn (Ban lãnh đạo Công ty)	222.000.000	213.600.000
Công ty Siêu thị VHSC	416.490.177	307.777.419
Tiền đặt cọc của CBCNV	5.000.000	15.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	150.066.442	214.108.069
Tổng cộng	1.179.835.544	1.136.764.413
b) Phải trả khác dài hạn	31/12/2018	01/01/2018
Nhận đặt cọc tiền thuế tài sản	1.421.050.000	1.651.200.000
Tổng cộng	1.421.050.000	1.651.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

16. Vay và nợ thuế tài chính
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay cá nhân VND	360.000.000	360.000.000	360.000.000	360.000.000
Phạm Thị Thanh Hiền	310.000.000	310.000.000	310.000.000	310.000.000
Hoàng Thị Tâm	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng VND	8.258.992.694	8.258.992.694	20.707.712.634	20.707.712.634
Ngân hàng Công Thương Việt Nam {1}	5.067.413.912	5.067.413.912	8.031.573.205	8.031.573.205
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn {2}	1.149.969.480	1.149.969.480	12.676.139.429	12.676.139.429
Ngân hàng Indovinabank {3}	2.041.609.302	2.041.609.302	-	-
Tổng cộng	8.618.992.694	8.618.992.694	21.067.712.634	21.067.712.634

{1} Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT106-TPHN ngày 15 tháng 12 năm 2017; hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng; lãi suất xác định bằng (=) lãi suất cơ sở (bao gồm lãi suất tiết kiệm + chi phí huy động vốn tăng thêm) (+) 3,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần và lãi vay được tính theo cơ sở năm 360 ngày; Cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung.

{2} Khoản vay theo Hợp đồng số 1260LAV201800164 ngày 29/6/2018; hạn mức tín dụng 15.000.000.000 đồng; lãi suất thả nổi và được quy định trong từng giấy nhận nợ theo cơ sở năm 360 ngày. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Toyota Corola và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho thuê mặt bằng số 1062.2015/CCHBT-HĐTMB ngày 17/7/2018.

{3} Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 20/2018/HĐHM/IVBTL-TPHN ngày 14/03/2018; hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng; lãi suất thả nổi và được quy định trong từng giấy nhận nợ theo cơ sở 365 ngày. Tài sản bảo đảm khoản vay là các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật tại địa chỉ số 57 Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội được định giá tại ngày 14/03/2018 là 4.098.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay cá nhân	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Phạm Thị Thanh Hiền</i>	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam {4}	347.718.668	347.718.668	500.118.668	500.118.668
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn {5}	4.733.228.450	4.733.228.450	2.726.387.200	2.726.387.200
Tổng cộng	6.080.947.118	6.080.947.118	4.226.505.868	4.226.505.868

{4} Khoản vay theo hợp đồng 23-3/2016-HDDTDANHCT106-TPHN ngày 13/10/2016; hạn mức là 900.000.000 đồng; mục đích là cải tạo nhà tại số 164-166 Tựu Liệt, Thanh Trì, Hà Nội, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ; năm được tính trên cơ sở 360 ngày.

{5} Khoản vay theo hợp đồng số 160LAV201700266 ký ngày 23/11/2017; hạn mức vay là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay là đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; Thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm; Tài sản đảm bảo chính là toàn bộ công trình xây dựng Cửa hàng thương mại Đồng Xuân tại số 26 Cao Thắng, phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

17. Vốn chủ sở hữu
 a. Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng công
Số dư ngày 01/01/2017	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	(10.145.176.478)	135.680.115.378
- Lãi năm trước				12.418.262.032	12.418.262.032
Số dư ngày 31/12/2017	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	2.273.085.554	148.098.377.410
Số dư ngày 01/01/2018	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	2.273.085.554	148.098.377.410
- Lãi kỳ này	-	-	-	3.687.102.387	3.687.102.387
- Chia cổ tức	-	-	-	(2.175.000.000)	(2.175.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(98.085.554)	(98.085.554)
Số dư ngày 31/12/2018	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	3.687.102.387	149.512.394.243

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	74.772.000.000	74.772.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đá quý Doji	31.900.000.000	31.900.000.000
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	24.640.000.000	5.000.000.000
Trần Quốc Tuấn		10.990.000.000
Nguyễn Đăng Trường		10.000.000.000
Cổ đông là cán bộ công nhân viên và cổ đông khác	13.688.000.000	12.338.000.000
Cộng	145.000.000.000	145.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	145.000.000.000	145.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	145.000.000.000	145.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	

d. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	166.228.103.650	140.973.152.762
Doanh thu cho thuê BĐS và dịch vụ khác	23.711.359.773	37.704.254.608
Tổng cộng	<u>189.939.463.423</u>	<u>178.677.407.370</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	50.439.384	45.255.053
Giảm giá hàng bán		13.364
Hàng bán bị trả lại	110.267.083	65.205.960
Tổng cộng	<u>160.706.467</u>	<u>110.474.377</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	150.173.751.500	127.675.296.350
Giá vốn cho thuê BĐS và dịch vụ khác	2.305.714.392	2.802.971.526
Tổng cộng	<u>152.479.465.892</u>	<u>130.478.267.876</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.462.052.838	2.566.997.831
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.048.000.000	20.000.000
Doanh thu tài chính khác	4.725.711	206.912.733
Tổng cộng	<u>2.514.778.549</u>	<u>2.793.910.564</u>

5. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	1.251.125.443	1.556.773.353
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	105.604.302	112.531.079
Chênh lệch tỷ giá	-	9.744
Tổng cộng	<u>1.356.729.745</u>	<u>1.669.314.176</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.551.926.462	12.812.542.996
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ, đồ dùng	5.787.267.523	5.594.988.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.449.522.178	6.369.156.625
Chi phí thuê đất	6.714.770.387	6.454.964.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.032.618.290	5.842.679.986
Chi phí khác bằng tiền	5.878.582.060	6.941.490.242
Tổng cộng	42.414.686.900	44.015.822.925

VII. Thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ	Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết
01. Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	Công ty mẹ	51,57%	51,57%
02. Công ty CP TMDV Bắc Qua	Công ty con	53,00%	53,00%
03. Công ty TM Lãng Yên	Công ty con	51,00%	51,00%
04. Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	Công ty liên kết	37,04%	37,04%
05. Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	Công ty liên doanh	2,80%	2,80%
06. Công ty CP Âm thực Hà Nội	Công ty liên kết	27,59%	27,59%

Số dư với các bên liên quan

Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP TMDV Bắc Qua	8.600.000.000	8.600.000.000
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	3.500.000.000

Cộng	12.100.000.000	12.100.000.000
-------------	-----------------------	-----------------------

Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP TMDV Bắc Qua	3.142.238.896	2.356.127.783
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	2.305.881.946	1.826.819.446
Cộng	5.448.120.842	4.182.947.229

Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TM Lãng Yên	583.610.000	583.610.000

Cộng	583.610.000	583.610.000
-------------	--------------------	--------------------

Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần	386.278.925	386.278.925
Cộng	386.278.925	386.278.925

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền cho vay		
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	479.062.500	879.375.000
Cộng	1.290.173.613	2.393.263.890
Ghi nhận cổ tức		
	Năm 2018	Năm 2017
Công ty CP Âm Thực Hà Nội	28.000.000	20.000.000
Cộng	1.048.000.000	20.000.000
Bán hàng hóa, dịch vụ		
	Năm 2018	Năm 2017
Công ty CP TMDV Bắc Qua	18.345.751	17.249.745
Công ty CP Âm Thực Hà Nội	1.316.400.000	1.084.000.008
Công ty CPTM Lãng Yên	3.490.909	
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần	19.383.636	
Cộng	1.357.620.296	1.101.249.753
Mua hàng hóa, dịch vụ		
	Năm 2018	Năm 2017
Công ty CPTM Lãng Yên	113.320.000	
Cộng	113.320.000	

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty CP Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.



Ngô Đức Long
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Kim Huyền
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thúy
Người lập

